TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** **Bản án số**: 26/2023/HNGĐ - ST Ngày 24/10/2023 (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Xuân Ninh** và ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1988; địa chỉ xóm 8, xã G, huyện V, tỉnh N (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Đỗ Duy L**, sinh năm 1987; địa chỉ xóm 8, xã G, huyện V, tỉnh N (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 05 năm 2023, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và bị đơn là anh Đỗ Duy L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 7 năm 2008, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau ở nhiều nơi, như ở tỉnh Thanh Hóa, ở trong miền nam, đến năm 2019 chuyển về xóm 8, xã G, huyện V, tỉnh N để ở. Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Đỗ Duy L chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh Lưu không tu trí làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, lại còn ngoại tình không quan

tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho tới nay. Chị T thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Duy L.

Về con chung chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Vợ chồng chị có hai con chung cháu lớn là Đỗ Duy K, sinh ngày 17/02/2009; cháu nhỏ là Đỗ Anh T, sinh ngày 21/9/2017. Từ khi ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, chị không yêu cầu anh Đỗ Duy L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Đỗ Duy L đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của ng□ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr□ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Đỗ Duy L;

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 17/02/2009 và cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 21/9/2017, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Duy L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Duy L; anh Đỗ Duy L có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đỗ Duy L đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Đỗ Duy L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 22 tháng 7 năm 2008. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, anh L thường xuyên chơi bời, cờ bạc không quan tâm đến vợ con, khi được chị T và gia đình khuyên bảo nhưng anh L không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Điều này phù hợp với biên bản thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L do UBND xã G cung cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện V đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Đỗ Duy L cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, không còn thiện chí để tìm cách đoàn tụ vợ chồng, chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Thắm.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Đỗ Duy L có hai con chung cháu lớn là Đỗ Duy K, sinh ngày 17/02/2009; cháu nhỏ là cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 21/9/2017. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh L có hai con chung, cháu K đã trên bẩy tuổi còn cháu T dưới bẩy tuổi, chị T là người lao động tự do, có thu nhập. Từ khi ly thân hai con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị T

không yêu cầu anh Đỗ Duy L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trong thời gian trước đây và hiện tại cháu Đỗ Duy K và Đỗ Anh T đều do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm tốt về mọi mặt. Anh Đỗ Duy L không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, nên không có quan điểm của anh L về con chung. Quan điểm của chị T đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu K và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần giao hai con chung Đỗ Duy K và Đỗ Anh T cho chị Nguyễn Thị Hồng T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Hồng Thắm không yêu cầu anh Đỗ Duy L cấp dưỡng nuôi con. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

***Xử**: 1. Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Đỗ Duy L được ly hôn;

2. Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Đỗ Duy K, sinh ngày 17/02/2009 và Đỗ Anh T, sinh ngày 21/9/2017.

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 24/10/2023 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu anh Đỗ Duy L cấp dưỡng nuôi con. Khi nào chị T có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0004144 ngày 11/05/2023.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *Lưu Hồ sơ, văn phòng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành